TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2018/DS-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

***-Thư ký phiên tòa* :** Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2018/TLST-DS ngày 13/9/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : Bà *Cao Thị N* - Sinh năm: 1967
Địa chỉ: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn Triết – Văn phòng Luật sư Triết và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn* : Ông *Phan Thành S* - Sinh năm: 1962
Bà *Trần Thị L* - Sinh năm: 1966
Địa chỉ : Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* :
- Ông *Đoàn Văn X* ; Sinh năm: 1965
Địa chỉ: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.
(Ông X vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà Cao Thị N thống nhất trình bày:*

Bà N và vợ chồng ông Phan Thành S bà Trần Thị L quen biết nhau vì sống cùng thôn xã. Ngày 11/4/2017(al) vợ chồng ông S bà L có vay của bà N số tiền 120.000.000đ để lo chuyện cho gia đình. Hai bên thống nhất lập giấy cam kết trả nợ, với thời hạn là tháng 7/2017(al) vợ chồng ông S bà L phải trả trước 50.000.000đ tiền gốc, lãi suất thỏa thuận miệng. Đến hạn bà N nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông S bà L chỉ trả được 17.000.000đ tiền gốc, hiện còn nợ 103.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 4/2017(al) đến nay là 772.500đ chưa trả. Nay bà N yêu cầu ông S bà L phải trả một lần số tiền còn nợ là 103.000.000đ, còn tiền lãi bà không yêu cầu. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn ông Phan Thành S bà Trần Thị L trình bày:*

Vợ chồng ông bà có quen biết với bà Cao Thị N vì hàng xóm. Vợ chồng ông bà thống nhất như bà N đã trình bày về thời gian, số tiền vay mượn và cam kết trả nợ. Ngày 11/4/2017 (al) vợ chồng ông bà có mượn của bà N số tiền 120.000.000đ, mục đích để lo chuyện gia đình và có hẹn tháng 7/2017(al) sẽ trả trước 50.000.000đ, nhưng từ khi vay đến nay vợ chồng ông bà chỉ trả được cho bà N 17.000.000đ tiền gốc, hiện còn nợ lại của bà N 103.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 772.500đ là đúng. Nay bà N yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả 103.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu tính lãi ông bà đồng ý nhưng vì hiện tại kinh tế gia đình rất khó khăn nên ông bà xin được trả dần số tiền trên mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi hết nợ. Ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn X trình bày:* Ông là chồng của bà Cao Thị N. Việc vợ ông cho vợ chồng ông S bà L vay mượn tiền ông không biết vì số tiền này là tiền riêng của vợ ông. Sau này ông mới biết ông S bà L còn nợ vợ ông 103.000.000đ. Nay bà N yêu cầu vợ chồng ông S bà L phải trả số tiền nợ trên là đúng, ông không có ý kiến yêu cầu gì về số tiền trên. Ông đề nghị Tòa buộc vợ chồng ông S bà L phải trả cho bà N số tiền 103.000.000đ để bà N được nhận và sở hữu.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến như sau:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, thực hiện đúng nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông S, bà L trả cho bà N số tiền 103.000.000đ.

Về án phí: Ông S và bà L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của đương sự đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Tòa xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại thôn H, xã N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn X vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông X.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu của bà Cao Thị N buộc vợ chồng ông Phan Thành S bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán 103.000.000đ tiền gốc. HĐXX nhận định: Ngày 11/4/2017(al) bà N cho vợ chồng ông S bà L vay số tiền 120.000.000đ được thể hiện trên giấy cam kết trả nợ, với thời hạn tháng 7/2017(al) vợ chồng ông S phải trả trước 50.000.000đ tiền gốc, lãi suất thỏa thuận miệng. Nhưng đến hạn vợ chồng ông S bà L chỉ trả được cho bà N 17.000.000đ tiền gốc, hiện còn nợ lại số tiền gốc 103.000.000đ. Tại phiên Tòa vợ chồng ông S bà L công nhận hiện nay vẫn còn nợ bà N số tiền gốc là 103.000.000đ chưa trả là đúng. Nhưng ông bà gặp khó khăn về kinh tế nên ông bà xin được trả dần số tiền trên mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi hết nợ. Việc xin kéo dài thời gian trả nợ của vợ chồng ông S bà L không được bà N chấp nhận. Hiện ông X chồng bà N không có yêu cầu gì. Do đó HĐXX căn cứ vào các 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc ông Phan Thành S bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị N 103.000.000đ là có căn cứ.

Về tiền lãi vay bà N tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Phan Thành S bà Trần Thị L phải chịu án phí DSST trên số tiền bà N khởi kiện được chấp nhận nhưng được xét giảm ½ vì có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có đơn xác nhận của UBND nơi ông bà cư trú.

[4] Tại phiên Tòa Luật sư Nguyễn Văn Triết: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 463, 466 của BLDS năm 2015 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông S, bà L phải trả cho bà N 103.000.000đ là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Tại phiên Tòa ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của BLDS năm 2015;
- Căn cứ Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N.

2. Buộc ông Phan Thành S bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị N số tiền 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu tính lãi của bà Cao Thị N.

Bác lời nại của ông S bà L xin trả dần số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Phan Thành S bà Trần Thị L phải chịu 2.575.000đ án phí Dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm ½).

- Bà Cao Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Cao Thị N 2.595.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000350 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đoàn Văn X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Ngọc Dung